

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 177 /2017/HNGĐST
Ngày 29-9-2017
V/v tranh chấp HNGĐ

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Ngọc Tâm
2. Ông Hồ Tùng Mận

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu – Thư ký Toà án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 9 năm 2017, tại Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 645/2017/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2017 về tranh chấp hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 160/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị C – Sinh năm: 1977 (Có mặt)

Địa chỉ: phường K, Tp.B, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Ông Phan Thanh D – Sinh năm: 1972 (Vắng mặt).

Địa chỉ: phường K, Tp.B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về quan hệ hôn nhân: Bà C và ông D tự nguyện lấy nhau có đăng ký kết hôn vào ngày 26/01/2005 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh ĐN. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông D thường xuyên nhậu nhẹt say sấn mắng chửi, đánh đập vợ con, xúc phạm bố mẹ và các anh chị em trong gia đình bà C. Bà C đã làm đơn xin ly hôn hai lần và đã được Toà án nhân dân thành phố B thụ lý giải quyết. Nhưng trong quá trình giải quyết vụ án thì ông D xin

lỗi hứa sửa đổi nên bà C đã xin rút lại yêu cầu khởi kiện để vợ chồng đoàn tụ nuôi dạy con chung nhưng cả hai lần sau khi đoàn tụ thì ông D vẫn không có sự thay đổi nên nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể hàn gắn được bà C tiếp tục làm đơn xin được ly hôn với ông D.

Về con chung: Bà C và ông D có một con chung là cháu B - Sinh ngày: 17/5/2006. Bà C có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu B đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà C xin để tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết Tòa án đã triệu tập ông D để làm việc và hòa giải theo quy định của pháp luật nhưng ông D đều vắng mặt không có lý do nên không tiến hành hòa giải được.

Qua kết quả xác minh tại chính quyền địa phương cho biết: Bà C và ông D lấy nhau có đăng ký kết hôn vào ngày 26/01/2005 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh ĐN. Sau khi kết hôn bà C ông D sinh sống chung nhà với bố mẹ đẻ của bà C là ông Đ và bà T tại địa chỉ 262 Phan H, phường K, Tp.B, tỉnh Đắk Lắk. Quá trình chung sống mâu thuẫn giữa vợ chồng bà C ông D đã xảy ra nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do ông D thường xuyên cờ bạc, rượu chè, say xỉn về đánh đập vợ con, gây gổ với bố mẹ vợ và các anh em gia đình vợ. Những mâu thuẫn này diễn ra từ lâu và kéo dài không thể khắc phục được, gia đình đã nhiều lần báo chính quyền địa phương can thiệp và địa phương đã lập biên bản nhiều lần nhưng vẫn tái diễn. Bà C cũng nhiều lần làm đơn ly hôn lên Tòa án và rút đơn về để ông D có cơ hội sửa chữa nhưng không có kết quả. Nay bà C tiếp tục có đơn xin ly hôn thì chính quyền địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của Pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp:* Căn cứ đơn khởi kiện của bà C, Tòa án nhân dân Tp. B xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 36, Tòa án nhân dân Tp.B, tỉnh Đắk Lắk thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn ông D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông D.

[3] *Về nội dung vụ án:* Căn cứ vào lời trình bày của bà C, kết quả xác minh tại chính quyền địa phương và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định:

Về quan hệ hôn nhân: Bà C và ông D tự nguyện lấy nhau có đăng ký kết hôn vào ngày 26/01/2005 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh ĐN theo quy định

của pháp luật. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa bà C ông D là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Về tình trạng hôn nhân của bà C ông D thì trong quá trình chung sống với nhau có phát sinh mâu thuẫn từ lâu và kéo dài. Nguyên nhân do ông D thường xuyên cờ bạc, rượu chè, say xỉn về đánh đập vợ con, gây gổ với bố mẹ vợ và các anh em gia đình vợ. Gia đình đã nhiều lần báo chính quyền địa phương và địa phương đã can thiệp nhưng vẫn tái diễn. Bà C cũng đã hai lần làm đơn ly hôn và được Toà án nhân dân Tp. B thụ lý giải quyết, quá trình hoà giải bà C rút đơn về để ông D có cơ hội sửa chữa nhưng không có kết quả nên bà C tiếp tục có đơn xin ly hôn ông D vì vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà C là phù hợp.

Về con chung: Bà C và ông D có một con chung là B - Sinh ngày: 17/5/2006. Bà C có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc con chung và quá trình giải quyết tại Tòa án thì cháu B cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Xét về điều kiện và nguyện vọng của bà C và cháu B, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu B cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng là hợp lý.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà C không yêu cầu nên Toà án không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản và công nợ chung: Bà C không yêu cầu nên Toà án không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] *Về án phí*: Bà C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- *Caên cõu khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 36; Điều 147; Điều 203, Điều 220, Điều 227, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;*

- *Căn cứ các Điều 55, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;*

- *Căn cứ Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.*

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà C. Bà C được ly hôn với ông D.

Về con chung: Giao con chung cháu B- Sinh ngày: 17/5/2006 cho bà C trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Ông D được quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà C không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Về tài sản và công nợ chung: Bà C không yêu cầu nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

Về àn phí: Bà C phải chịu 300.000 đồng án phí HNGĐST được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí mà bà C đã nộp theo biên lai số: AA/2016/000712 ngày 26/6/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự Tp.B, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết hoặc nhận bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. B;
- Chi cục THADS Tp.B;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thanh